TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 545/2019/QĐST-HNGĐ	*Quận 11, ngày 25 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 529/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim Y, sinh năm 1984; địa chỉ thường trú: 018 Lô O, chung cư N, Phường 02, Quận Y, Thành phố H; địa chỉ tạm trú: 1432 đường 3, Phường 02, Quận 11I, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Lê V, sinh năm 1965; địa chỉ: 1432 đường 3, Phường 02, Quận 11I, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Võ Thị Kim Y và ông Lê V (Giấy chứng nhận kết hôn số 101, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường 02, Quận Y, Thành phố H cấp ngày 15/9/2012 không còn giá trị).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kim Y và ông Lê V thuận tình ly hôn.

b) Về con chung: Bà Võ Thị Kim Y được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Lê M, sinh ngày 02/12/2012. Bà Y không yêu cầu ông V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

a) Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

b) Về nợ chung: Hai bên khai không có.

d) Về án phí: Bà Võ Thị Kim Y tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0010205 ngày 29/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; bà Y được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- TAND TP. HCM;
- UBND Phường 02, Quận 10, TP.HCM (để ghi vào sổ hộ tịch; Thông tin về giấy CNKH đã đăng ký: số 101, ngày 15/9/2012);
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án (12).

THẨM PHÁN

Bùi Tô Đông Đức